

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/02/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi				Về				Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng		Giờ bay	Người	Hàng		
1		TD5+CTK3+VSP01	7:25	7+15+0	0+0+0			6+0+12	0+0+0		
2		TĐ3	7:25	22	0			17	0		
3		P9+TD5	7:25	2+20	0+0			0+21	0+0		
4		CI	9:25	22	0			22	0		
5		TD3+CI	9:25	14+8	0+0			5+7	0+0		
6		TD3+P6	11:25	12+10	0+0			5+0	0+0		

TTĐBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1-	TO: TD5 - CTK3 - VSP01	CREW: Dương - Linh - QTrưởng	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAVYDOV DANIIL	TD5	98	1	5		67	KHOAN	Russian
2	CHUSH MAKSIM	TD5	99	1	7		100	KHOAN	Russian
3	NGUYEN XUAN THE	TD5	400	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN VAN THIEU	TD5	01	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM VAN LUAN	TD5	24	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
6	LE XUAN DUONG	TD5	02	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
7	DAO THANH SON	TD5	26	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
8	THAN VAN KIEN	CTK3	17	1	13		66	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN DUC HIEP	CTK3	20-21	2	25		68	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN DUC LOI	CTK3	18-19	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
11	LE DINH MINH	CTK3	04-05	2	15		51	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN VAN THE	CTK3	13	1	11	40	61	XAYLAP	Vietnamese
13	LE XUAN TINH	CTK3	08-09	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN QUANG HUY	CTK3	38	1	24		58	XAYLAP	Vietnamese
15	DAO XUAN VIET	CTK3	07	1	14		55	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐẠNG TÔ HIỆU	CTK3	06	1	23		78	XAYLAP	Vietnamese
17	VÔ QUỐC TUẤN	CTK3	117-118	2	25		85	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐIỀU VĂN THÔNG	CTK3	11-12	2	25		65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN DUC THANH	CTK3	41	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
20	MAI VAN LINH	CTK3	39-40	2	12		82	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN QUY HIEU	CTK3	42	1	7		75	XAYLAP	Vietnamese
22	TRINH XUAN TAI	CTK3	10,43	2	13		66	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

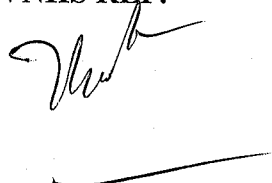
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	7	7	43	512	0	6		
2	CTK3	15	23	247	1,022	40	0		
3	VSP01	0	0	0	0	2	12		
TOTAL		22	30	290	1,534	42	18		
WEIGHT KG				290	1,534	42			

GRAND TOAL: 1.866 KGS

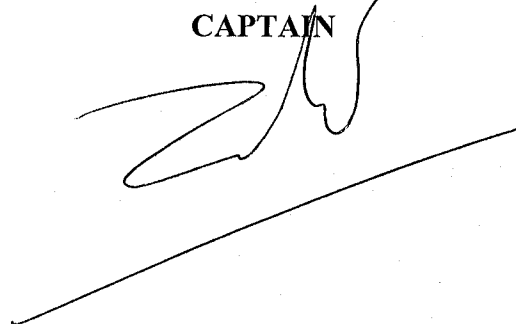
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/02/2023	TO: TD3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: CHIẾN - MTHAO - Huy	ETA: 09:25
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOROTKOV VICTOR	TD3	80	1	7		120	KHOAN	Russian
2	GUSEINOV MAXIM	TD3	86	1	5		75	KHOAN	Russian
3	BUI HUU VUNG	TD3	82	1	7		88	KHOAN	Vietnamese
4	CHU VAN THANG	TD3	83	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
5	NGO VAN KIEM	TD3	10	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
6	DO THANH HAI	TD3	14	1	5		95	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM TRUONG ANH	TD3	89	1	4	33	90	KHOAN	Vietnamese
8	LUU VAN SON	TD3	85	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
9	LE ANH XUAN	TD3	81	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN HAI NAM	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN PHI HUNG	TD3	15	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
12	CAO XUAN VINH	TD3	88	1	14		80	PVDWS	Vietnamese
13	NGUYEN VAN SON	TD3	87	1	10		78	PVDWS	Vietnamese
14	KARIMOV TAGIR G.	TD3	84	1	18		90	D-HANH	Russian
15	LE XUAN THANG	TD3	91-92	2	18		72	KHOAN	Vietnamese
16	LE HUU HAU	TD3	97	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN THUAN	TD3	94-95	2	18		70	KHOAN	Vietnamese
18	CAO DAC DAN	TD3	98-99	2	19		70	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYEN DUY BAI	TD3	93	1	12		67	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN HUU HO	TD3	600	1	6		70	CODIEN	Vietnamese
21	VO TIEN PHUNG	TD3	96	1	11		70	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYEN QUANG TRUNG	TD3	90	1	9		80	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	24	204	1.708	33	18		
	TOTAL	22	24	204	1.708	33	18		
	WEIGHT KG			204	1.708	33			

GRAND TOAL: 1.945 KGS

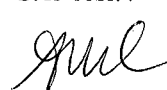
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: MI	TO: P9 - TD5	CREW: LHải - ĐỨC - HĐức - ĐANG	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HOÀNG TRUNG	P9	02	1	8		75	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HUÂN	P9	03	1	9		78	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH HIẾU	TD5	18	1	5		83	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN TRƯỞNG THIÊN	TD5	36	1	8		83	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN LÂM GIANG	TD5	19-20	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ XUÂN THƯƠNG	TD5	14-15	2	12		65	KHOAN	Vietnamese
7	VƯƠNG ĐÌNH ĐÔNG	TD5	29-30	2	10		90	PSV	Vietnamese
8	TRẦN MINH HUNG	TD5	31	1	5		86	PSV	Vietnamese
9	PHẠM QUANG HUY	TD5	33	1	5		64	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐĂNG NAM	TD5	32	1	4		66	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG MINH	TD5	23	1	7		84	PSV	Vietnamese
12	THAI TRUNG HIẾU	TD5	28	1	3		75	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TIỀN	TD5	26	1	7		58	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VŨ DUYỀN	TD5	16	1	7		68	PSV	Vietnamese
15	PHẠM VĂN TƯỜNG	TD5	17	1	5		80	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN HÙNG QUÂN	TD5	22	1	8		72	D-HANH	Vietnamese
17	ĐANG ĐỨC HÀ	TD5	37	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ MẠNH HÙNG	TD5					77	ANTOAN	Vietnamese
19	PHẠM ĐÌNH SINH	TD5	27	1	11		73	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC BÌNH	TD5	24-25	2	18		66	DVL	Vietnamese
21	LƯƠNG MẠNH HẢI	TD5	34-35	2	18		74	DVL	Vietnamese
22	TRẦN ĐẮC THĂNG	TD5	21	1	3		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	2	2	17	153	0	0		
2	TD5	20	24	156	1.481	0	21		
TOTAL		22	26	173	1.634	0	21		
WEIGHT KG				173	1.634	0			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	TO: CLI	CREW: Dương - Linh - Q.Trường	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN LINH	CLI	47-48	2	10	50	47	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN HIỆP	CLI	36	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU HÀ	CLI	92-93	2	16		72	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ĐÌNH QUANG	CLI	51	1	15		76	KH-THAC	Vietnamese
5	TRƯƠNG HIỀN	CLI	45	1	5		87	KH-THAC	Vietnamese
6	DOKUCHAEV V. L.	CLI	29	1	16		96	KH-THAC	Russian
7	KHAVANZHAN R. I.	CLI	30-31	2	10		78	KH-THAC	Russian
8	VŨ MINH TIẾN	CLI	43	1	13		66	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT HOÀ	CLI	49	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ANH VIỆT	CLI	46	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN HỮU DƯƠNG	CLI	52	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN DŨY	CLI	50	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG QUỐC VIỆT	CLI	38-39	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC SƠN	CLI	40	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	HUYNH TRỌNG KIM	CLI	89	1	18		81	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN ĐOÀN	CLI	41	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
17	MAI PHÚC LINH	CLI	88	1	2		77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN KHANH	CLI	44	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN THIÊN PHƯỚC	CLI	37	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	HỒ HAI HẬU	CLI	42	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN DŨNG	CLI	32	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THÀNH LONG	CLI	90-91	2	7		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	22	27	183	1.597	50	22		
TOTAL		22	27	183	1.597	50	22		
WEIGHT KG				183	1.597	50			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/02/2023	TO: TD3 - CLI	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: CHIẾN - MTHAO - Huy	ETA: 11:45
cam-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KIM NHẬT THANH	TD3	26	1	11		70	CODIEN	Vietnamese
2	HOÀNG MINH SƠN	TD3	20	1	10	27	75	ANTOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN HOANG LONG	TD3	25	1	10		66	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN HOANG SƠN	TD3	28	1	7		70	DVL	Vietnamese
5	TRẦN VĂN GIANG	TD3	27	1	7		75	DVL	Vietnamese
6	HOÀNG GIANG LAM	TD3					71	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH MƯỜI	TD3	21	1	10		72	PSV	Vietnamese
8	TRẦN VĂN LỰC	TD3	16	1	9		90	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT THĂNG	TD3					65	PSV	Vietnamese
10	HỒ SỸ THANH	TD3	24	1	6		55	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN TUẤN	TD3	17	1	5		70	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	TD3	18-19	2	18		60	SCHLUMBE	Vietnamese
13	PHẠM VĂN TUẤN	TD3	32-33	2	10		70	THANH PH	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ƠN	TD3	22-23	2	13		70	THANH PH	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN TUYẾN	CLI	99	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ NHẬT HUNG CƯỜNG	CLI	300	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUAN TRƯƠNG	CLI	91-92	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	CLI	95	1	5		95	KH-THAC	Vietnamese
19	LẠI TUẤN ANH	CLI	96-97	2	10		90	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN BẢO ANH	CLI	94	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TRẦN GIANG NAM	CLI	93	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
22	VÕ XUÂN	CLI	98	1	12		98	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	14	15	116	979	27	6		
2	CLI	8	10	76	638	0	7		
TOTAL		22	25	192	1.617	27	13		
WEIGHT KG				192	1.617	27			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/02/2023	TO: TD3 - P6	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: VThắng - N.ANH - THỤ	ETA: 14:00
TIM - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRƯỜNG SAN	TD3	86	1	11		50	THANH PH	Vietnamese
2	LÂM VĂN VINH A	TD3	91-92	2	17		64	THANH PH	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU TRUNG	TD3	94	1	8		56	THANH PH	Vietnamese
4	NGUYỄN THAI GIANG	TD3	95	1	5		53	THANH PH	Vietnamese
5	PHẠM VĂN TUẤN	TD3	97	1	12		54	THANH PH	Vietnamese
6	HUỲNH VĂN HẠNH	TD3	89-90	2	13		80	THANH PH	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN LẬP	TD3	85	1	3		65	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN TUẤN HAI	TD3	96	1	5		60	PSV	Vietnamese
9	PHAN CHÍNH QUY	TD3	93	1	5		75	PSV	Vietnamese
10	ĐẠU CÔNG SÁU	TD3	88	1	3		85	PSV	Vietnamese
11	ĐINH VĂN LƯU	TD3	87	1	4		51	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC HIEN	P6	72,35	2	27		76	DUY LINH	Vietnamese
13	TRƯƠNG HUY TRỌNG	P6	76-77	2	15		63	DUY LINH	Vietnamese
14	ĐẶNG VĂN HÙNG	P6	80-81	2	15		72	DUY LINH	Vietnamese
15	VĂN NGỌC TÂM	P6	82-83	2	15		64	DUY LINH	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH ĐẠO	P6	85	1	8		75	DUY LINH	Vietnamese
17	TRẦN TRUNG HIỆU	P6	74-75	2	27		73	DUY LINH	Vietnamese
18	TRẦN DUY PHƯƠNG	P6	73	1	8		75	DUY LINH	Vietnamese
19	LÊ HỮU LỘC	P6	79	1	7		58	DUY LINH	Vietnamese
20	LÊ THANH	P6	78	1	6	20	55	DUY LINH	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P6	36	1	9		54	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	11	13	86	693	0	5		
2	P6	10	15	137	665	20	0		
TOTAL		21	28	223	1.358	20	5		
WEIGHT KG				223	1.358	20			

GRAND TOAL: 1.601 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/02/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK3+CLO+BK8	7:25	7+14+1	0+0+0		0+13+0	0+0+0	
2		BK16+TD1	7:25	6+16	0+0		0+22	0+0	
3		P10+P5	9:25	9+11	0+0		0+0	0+0	
4		P4+TD1+MRM	9:25	21+1+0	0+0+0		0+2+5	0+0+0	
5		CLO+P4	11:25	4+16	0+0		0+0	0+0	

TTĐBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/02/2023	TO: BK3 - CLO - BK8	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: CHIẾN - Linh - N Nam	ETA: 09:15

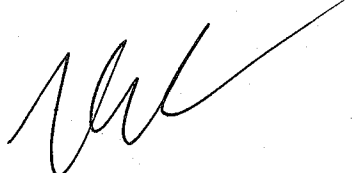
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM ĐỀ	BK3	78	1	10	35	76	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TRUNG	BK3	85-86	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN HIỀN	BK3	89-90	2	15		87	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ BA QUYÊN	BK3	87-88	2	12		56	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI QUANG ANH	BK3	83-84	2	17		63	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐẠNG QUANG THỜI	BK3	79-80	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG ANH TÍNH	BK3	81-82	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VĂN KHANG	CLO	14	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN LẬP QUỐC	CLO	15	1	3		61	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM ĐỨC MINH	CLO	12	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
11	MAI NGỌC QUYÊN	CLO	16	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN NGỌC AN	CLO					72	KHOAN	Vietnamese
13	VU VĂN QUYNH	CLO	13	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	CLO					88	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG TRUNG THÔNG	CLO	17	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG THANH MINH	CLO	07-08	2	12		60	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU HOANG QUÂN	CLO	06	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN KHUU	CLO	10	1	9		63	KHOAN	Vietnamese
19	ĐOÀN VĂN MUỘI	CLO	05	1	11		62	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM THANH TÙNG	CLO	09	1	15		95	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	CLO	11	1	10		53	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN TIỀN	BK8	76	1	6	40	76	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	7	13	99	493	35	1		
2	CLO	14	13	89	963	0	13		
3	BK8	1	1	6	76	40	0		
TOTAL		22	27	194	1.532	75	14		
WEIGHT KG				194	1.532	75			

GRAND TOAL: 1.801 KGS

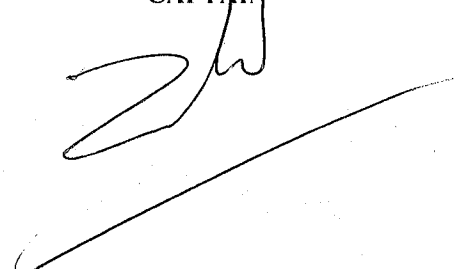
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	TO: BK16 - TD1	CREW: TUYỀN - NPhú - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN TUYẾT	BK16	79	1	15		77	DVL	Vietnamese
2	ĐOÀN MINH ĐẠT	BK16	70,72	2	15	46	68	DVL	Vietnamese
3	PHẠM VĂN CUÔNG	BK16	68-69	2	18		81	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	BK16	76-77	2	18	20	70	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN NAM HAI	BK16	75	1	7		77	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TIẾP	BK16	73-74	2	18		75	DVL	Vietnamese
7	TRẦN HUY QUANG	TD1	86	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN QUANG	TD1	75	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN MẠNH TIẾP	TD1	83	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG LINH	TD1	78-79	2	7	20	74	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN PHONG	TD1	82	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM MINH TRỌNG	TD1	85	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
13	BUI VĂN LUẬN	TD1	89	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM QUANG ANH	TD1					85	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN THANH TUẤT	TD1	90	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN MẠNH HÙNG	TD1	74	1	5	30	75	KHOAN	Vietnamese
17	NINH ĐỨC THUẬT	TD1	84	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
18	TRƯƠNG XUÂN TRUNG	TD1	34	1	6		84	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ ĐÌNH PHONG	TD1	81	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
20	THAI ĐỨC TOÀN	TD1	35	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN QUANG THỰC	TD1	80	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
22	ĐỖ VĂN HIỆU	TD1	73	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	6	10	91	448	66	0		
2	TD1	16	16	88	1.126	50	22		
TOTAL		22	26	179	1.574	116	22		
WEIGHT KG				179	1.574	116			

GRAND TOAL: 1.869 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	TO: P10 - P5	CREW: TUYỀN - NPhú - DTùng	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ PHƯƠNG NAM	P10	17	1	7		77	SINH HUN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN XIN	P10	15	1	8		76	SINH HUN	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN HOÀ	P10	14	1	11		70	SINH HUN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THỌ	P10	16	1	7		55	SINH HUN	Vietnamese
5	VŨ TRỌNG TỰ	P10	06	1	6		59	SINH HUN	Vietnamese
6	TRỊNH VI QUÂN	P10	12-13	2	10		58	SINH HUN	Vietnamese
7	TÔ ĐÌNH CÔNG	P10	10	1	7		51	SINH HUN	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN TOÀN	P10	11	1	10		72	SINH HUN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN HUY	P5	98-99	2	15		70	NAM TIỀN	Vietnamese
10	VŨ HOÀNG QUÂN	P5	65	1	5		75	NAM TIỀN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THẮNG	P5	90	1	6		6	NAM TIỀN	Vietnamese
12	PHAN ĐÌNH QUANG	P5	96-97	2	8		51	NAM TIỀN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG DÂN	P5	300	1	6		70	NAM TIỀN	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG THANH	P5	28	1	4		70	NAM TIỀN	Vietnamese
15	GIANG VĂN VƯƠNG	P5	95	1	7		63	NAM TIỀN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	P5	92	1	7		55	NAM TIỀN	Vietnamese
17	VŨ ĐỨC MẠNH	P5	93-94	2	10		64	NAM TIỀN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CỤC	P5	91	1	10		58	NAM TIỀN	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH QUANG	P5	27	1	8		61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	8	9	66	518	0	0		
2	P5	11	14	86	643	0	0		
TOTAL		19	23	152	1.161	0	0		
WEIGHT KG				152	1.161	0			

GRAND TOAL: 1.313 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/02/2023	TO: P4 - TD1 - MRM	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: CHIẾN - Linh - N Nam	ETA: 11:25
cam - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VINH QUANG	P4	24-25	2	17	80	71	NAM TIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN TUÂN KIẾT	P4	35	1	5		73	NAM TIEN	Vietnamese
3	BUI CHI LINH	P4	36	1	8		70	NAM TIEN	Vietnamese
4	TRẦN PHƯƠNG	P4	31	1	4		56	NAM TIEN	Vietnamese
5	VÔ HỮU ĐI	P4	33-34	2	8		93	NAM TIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU NHAN	P4	21	1	5		54	NAM TIEN	Vietnamese
7	ĐOÀN KHANH DUY	P4	26	1	7		71	NAM TIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN TRAI	P4	37	1	7		84	NAM TIEN	Vietnamese
9	BUI VĂN NGOAN	P4	32	1	8		66	NAM TIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU CHIEN	P4	20	1	8		72	NAM TIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG HIEU	P4	22	1	7		65	NAM TIEN	Vietnamese
12	ĐINH VŨ TIEN	P4	16	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM HỒNG QUÂN	P4	17	1	10		59	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HUNG	P4	10-11	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
15	HOANG KHAC CUONG	P4	15	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ VĂN TUNG	P4	18-19	2	11		57	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN QUANG LƯU	P4	23	1	14		67	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN MINH HOANG	P4	12	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN SỸ MỸ	P4	14	1	15		64	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG HAI	P4	13	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
21	VUONG VAN THONG	TD1	86-87	2	5	5	68	YTE	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN DUNG	TD1	88	1	13		70	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

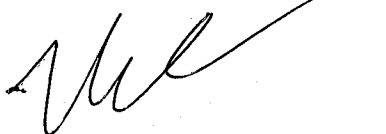
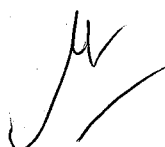
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	20	24	187	1.362	80	0		
2	TD1	2	3	18	138	5	2		
3	MRM	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	27	205	1.500	85	7		
WEIGHT KG				205	1.500	85			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN


FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/02/2023	TO: CLO - P4	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:00
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TUYỀN - MTHAO -	ETA: 13:40
HONG - 3		QTrưởng	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU THANH DAT	CLO	65-66	2	13		70	CODIEN	Vietnamese
2	LE TUAN ANH	CLO	73	1	10		74	CODIEN	Vietnamese
3	VU DINH NAM	CLO	02	1	11		67	CODIEN	Vietnamese
4	LAI MINH HOANG	CLO	03-04	2	12		74	CODIEN	Vietnamese
5	VU VAN THAM	CLO	74	1	5		58	PSV	Vietnamese
6	HA MANH DUNG	P4	59	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG MINH HAI	P4	54	1	11		60	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN KIM HUONG	P4	58	1	11		64	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN HUU TOAN	P4				20	60	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG CHUNG	P4				21	58	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN KHAC SAU	P4	38	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAM VAN CHINH	P4	41-42	2	15		80	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN VAN HANH	P4				18	63	XAYLAP	Vietnamese
14	DANG VAN NAM	P4				22	75	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN DUNG	P4	60-61	2	15		71	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN CANH LUYEN	P4				22	69	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN HUU MINH	P4				19	75	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG TUYEN	P4	56	1	16	12	66	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VIET PHONG LUU	P4				18	92	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN VAN Y	P4	39-40	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN HAI HUNG	P4	64	1	5		86	PSV	Vietnamese
22	LUU NGUYEN NHAT DUY	P4	43	1	7		85	NAMTIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	5	7	51	343	0	0		
2	P4	17	13	120	1.203	152	0		
TOTAL		22	20	171	1.546	152	0		
WEIGHT KG				171	1.546	152			

GRAND TOAL: 1.869 KGS

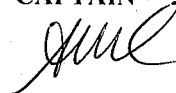
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/02/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+TD1	7:25	21+1	0+0		15+1	0+0	chuyen 1 nguoi TD2-TD1
2		P9+BK10	7:25	11+9	0+0		1+0	0+0	
3		RP2+BK10	9:25	12+8	0+0		1+0	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD2 - TD1	CREW: TTrung - ĐNam - Vũ	ETA: 09:10
Xanh 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI THO DUONG	TD2	12	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG VIET LINH	TD2	08	1	5		102	KHOAN	Vietnamese
3	ĐO XUÂN VANG	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
4	TRINH QUOC KHANH	TD2	13-14	2	8		75	KHOAN	Vietnamese
5	NOROV DENIS	TD2	01	1	15		87	KHOAN	Russian
6	LY XUAN TRUNG	TD2	09	1	5	95	68	YTE	Vietnamese
7	NGUYEN HUNG BINH	TD2	10-11	2	16		55	DMC-MI	Vietnamese
8	PHAN TUAN ANH	TD2	07	1	8		86	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN KHAC HA TRUNG	TD2	27	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
10	LE VINH THUAT	TD2	03	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN VAN TU	TD2	400	1	6		69	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN THE DUNG	TD2	26	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN NGUYEN MANH TUONG	TD2	25	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	VU VAN THUY	TD2	18	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
15	VU VAN DOAI	TD2	15-16	2	9		83	KHOAN	Vietnamese
16	DUONG QUOC VIET	TD2	19	1	6		83	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN QUY	TD2	06	1	8		66	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM VAN TRI	TD2	04	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
19	LE NGOC LUAN	TD2	02	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
20	NGO DUY NGOC	TD2	17	1	15		62	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN VAN MANH	TD2	05	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN THANH HAI	TD1	30	1	5		52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	21	23	160	1.521	95	16+	1	CHUYEN 1 PAX TU TD2 SANG TD1
2	TD1	1	1	5	52	0	1		
TOTAL		22	24	165	1.573	95	17		
WEIGHT KG				165	1.573	95			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/02/2023	TO: P9 - P10 - BK10	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: P9	FROM: VT	CREW: <i>Chieu</i> - VLin - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MANH HUNG	P9	06	1	12		76	KH-THAC	Vietnamese
2	TRUONG NGOC LINH	P9	08	1	5		71	NAM TIEN	Vietnamese
3	VU VAN THUONG	P9	11	1	10		63	NAM TIEN	Vietnamese
4	VO VAN HOA	P9	04	1	5		61	NAM TIEN	Vietnamese
5	NGO VAN GIAP	P9	09-10	2	11		58	NAM TIEN	Vietnamese
6	TRAN MINH DUOC	P9	12	1	12		58	NAM TIEN	Vietnamese
7	NGUYEN KHAC TUNG	P9	15	1	5		51	NAM TIEN	Vietnamese
8	BUI THANH LONG	P9	14	1	7		58	NAM TIEN	Vietnamese
9	NGUYEN DINH TRONG	P9	05	1	10		68	NAM TIEN	Vietnamese
10	DINH VAN DUNG	P9	13	1	7		72	NAM TIEN	Vietnamese
11	TRAN THANH HOAI	P9	07	1	4		102	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DUC THUAN	P10	18	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC NINH	P10	19	1	15		75	DVL	Vietnamese
14	DANG NGOC CUONG	BK10	04	1	8		78	XAYLAP	Vietnamese
15	HOANG BA NAM	BK10	03,09	2	21		63	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN MANH HIEU	BK10	99	1	11		74	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN QUOC DUONG	BK10	36	1	8		62	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG THIEN	BK10	01-02	2	25	32	60	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN SY	BK10	37-38	2	11	15	68	XAYLAP	Vietnamese
20	DO TIEN MANH	BK10	41-42	2	20		80	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAM VIET HUU	BK10	39-40	2	22		58	XAYLAP	Vietnamese
22	SADOVNHICHENKO	BK10	35	1	12		100	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	11	12	88	738	0	1		
2	P10	2	2	20	150	0	0		
3	BK10	9	14	138	643	47	0		
TOTAL		22	28	246	1.531	47	1		
WEIGHT KG				246	1.531	47			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	TO: RP2 - BK10	CREW: TTrung - ĐNam - Vũ	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG CÔNG THIN	RP2	96	1	7		72	SINH HUN	Vietnamese
2	VÔ HỒNG QUÂN	RP2	91	1	8		90	SINH HUN	Vietnamese
3	TRẦN VĂN HỒNG	RP2	94	1	5	35	70	SINH HUN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HUYNH	RP2	30-31	2	9		65	SINH HUN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN THÔNG	RP2	97	1	13		59	SINH HUN	Vietnamese
6	BUI AN	RP2	93	1	10		78	SINH HUN	Vietnamese
7	BUI VĂN THUY	RP2	92	1	8		55	SINH HUN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	RP2	98	1	9		53	SINH HUN	Vietnamese
9	TÔ ĐÌNH DUNG	RP2	99,400	2	19		74	SINH HUN	Vietnamese
10	HỒ VĂN HUNG	RP2	95	1	5		52	SINH HUN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN MẠNH	BK10	95	1	20		53	XAYLAP	Vietnamese
12	HA VĂN SÁU	BK10	96-97	2	15		58	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VĂN ĐÔNG	BK10	98-99	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ HỮU QUÂN	BK10	90-91	2	15		58	XAYLAP	Vietnamese
15	NHÂM ĐÌNH THUẬN	BK10	92-93	2	19		62	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ VĂN BÌNH	BK10	71-72	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
17	VÔ HOÀNG LÂM	BK10	94	1	19		63	XAYLAP	Vietnamese
18	VŨ TUẤN ANH	BK10	87	1	10	17	70	XAYLAP	Vietnamese
19	DUONG XUAN TOAN	BK10	89	1	5		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	10	12	93	668	35	1		
2	BK10	9	14	138	547	17	0		
TOTAL		19	26	231	1.215	52	1		
WEIGHT KG				231	1.215	52			

GRAND TOAL: 1.498 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN